

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020-2021

Khoa: Công nghệ Thông tin

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: An ninh mạng														
1	19C1-ANM1	12		1	8,33	0	0,00	3	25,00	7	58,33	0	0,00	1
CỘNG 01 Lớp		12	0	1	8,33	0	0,00	3	25,00	7	58,33	0	0,00	1
Ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính														
1	18C1-CMT1	37		20	54,05	10	27,03	6	16,22	0	0,00	1	2,70	
2	19C1-CMT1	26		0	0,00	3	11,54	3	11,54	13	50,00	1	3,85	6
3	20C1-CMT1	55	1	0	0,00	0	0,00	2	3,64	46	83,64	4	7,27	3
4	20C2-CMT1	21		0	0,00	0	0,00	3	14,29	11	52,38	3	14,29	4
CỘNG 04 Lớp		139	1	20	14,39	13	9,35	14	10,07	70	50,36	9	6,47	13
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18C1-TKĐ1	48	5	27	56,25	14	29,17	3	6,25	3	6,25	1	2,08	
2	19C1-TKĐ1	48	10	1	2,08	1	2,08	14	29,17	24	50,00	2	4,17	6
3	19C1-TKĐ2	31	4	0	0,00	2	6,45	6	19,35	18	58,06	4	12,90	1
4	20C1-TKĐ1	60	9	1	1,67	3	5,00	10	16,67	32	53,33	2	3,33	12
5	20C1-TKĐ2	59	7	0	0,00	9	15,25	17	28,81	22	37,29	1	1,69	10
CỘNG 05 Lớp		246	35	29	11,79	29	11,79	50	20,33	99	40,24	10	4,07	29
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	19C1-TKW1	24	3	0	0,00	1	4,17	4	16,67	15	62,50	1	4,17	3
2	20C1-TKW1	41	3	0	0,00	0	0,00	3	7,32	31	75,61	1	2,44	6
3	20C2-TKW1	20		0	0,00	0	0,00	0	0,00	14	70,00	3	15,00	3
CỘNG 03 Lớp		85	6	0	0,00	1	1,18	7	8,24	60	70,59	5	5,88	12

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Thương mại điện tử														
1	18C1-TMĐ1	10	2	9	90,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	1	10,00	
2	20C1-TMĐ1	24	4	0	0,00	0	0,00	1	4,17	17	70,83	0	0,00	6
CỘNG 02 Lớp		34	6	9	26,47	0	0,00	1	2,94	17	50,00	1	2,94	6
Ngành: Đồ họa đa phương tiện														
1	20C1-ĐHĐ1	31	6	4	12,90	3	9,68	14	45,16	5	16,13	0	0,00	5
CỘNG 01 Lớp		31	6	4	12,90	3	9,68	14	45,16	5	16,13	0	0,00	5
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	18C1-THU1	27	2	13	48,15	7	25,93	0	0,00	0	0,00	7	25,93	
2	20C2-THU1	48	11	0	0,00	3	6,25	12	25,00	19	39,58	2	4,17	12
CỘNG 02 Lớp		75	13	13	17,33	10	13,33	12	16,00	19	25,33	9	12,00	12
Ngành: Lập trình máy tính														
1	18C1-LTM1	30	1	13	43,33	12	40,00	4	13,33	0	0,00	1	3,33	
2	18C1-LTM2	31		7	22,58	10	32,26	2	6,45	11	35,48	1	3,23	
3	19C1-LTM1	44		0	0,00	4	9,09	6	13,64	26	59,09	1	2,27	7
4	20C1-LTM1	53	1	1	1,89	4	7,55	2	3,77	36	67,92	3	5,66	7
5	20C1-LTM2	51	4	0	0,00	4	7,84	13	25,49	27	52,94	2	3,92	5
6	20C2-LTM1	31	2	0	0,00	1	3,23	11	35,48	7	22,58	2	6,45	10
CỘNG 06 Lớp		240	8	21	8,75	35	14,58	38	15,83	107	44,58	10	4,17	29
Ngành: Mạng máy tính, Quản trị mạng máy														
1	18C1-QTM1	33	4	25	75,76	4	12,12	2	6,06	0	0,00	2	6,06	
2	19C1-QTM1	30		3	10,00	3	10,00	4	13,33	14	46,67	6	20,00	
3	20C1-QTM1	51	2	0	0,00	0	0,00	2	3,92	37	72,55	1	1,96	11
4	19C2-QTM1	33	1	0	0,00	2	6,06	5	15,15	21	63,64	1	3,03	4
5	20C2-QTM1	50	4	0	0,00	2	4,00	1	2,00	26	52,00	6	12,00	15
CỘNG 05 Lớp		197	11	28	14,21	11	5,58	14	7,11	98	49,75	16	8,12	30
Trung cấp														
Ngành: An ninh mạng														
1	18T4-ANM1	29	3	5	17,24	8	27,59	3	10,34	13	44,83	0	0,00	
2	19T4-ANM1	20	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	18	90,00	2	10,00	
3	19T4-ANM2	25	2	0	0,00	0	0,00	2	8,00	17	68,00	6	24,00	
4	20T4-ANM1	34	2	1	2,94	0	0,00	4	11,76	27	79,41	2	5,88	
CỘNG 04 Lớp		108	8	6	5,56	8	7,41	9	8,33	75	69,44	10	9,26	0

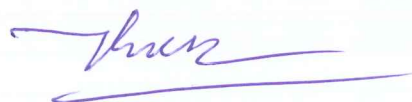
S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy														
1	18T4-CMT1	45		0	0,00	2	4,44	3	6,67	32	71,11	3	6,67	5
2	19T4-CMT1	47	1	0	0,00	1	2,13	6	12,77	34	72,34	3	6,38	3
3	19T4-CMT2	23	1	0	0,00	0	0,00	3	13,04	17	73,91	1	4,35	2
4	20T4-CMT1	35	1	0	0,00	0	0,00	3	8,57	31	88,57	1	2,86	
5	20T4-CMT2	31	0	0	0,00	0	0,00	1	3,23	27	87,10	3	9,68	
CỘNG 05 Lớp		181	3	0	0,00	3	1,66	16	8,84	141	77,90	11	6,08	10
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18T4-TKĐ1	36	12	0	0,00	4	11,11	8	22,22	24	66,67	0	0,00	
2	18T4-TKĐ2	31	8	0	0,00	0	0,00	3	9,68	24	77,42	4	12,90	
3	19T4-TKĐ1	51	19	0	0,00	0	0,00	1	1,96	50	98,04	0	0,00	
4	19T4-TKĐ2	52	25	0	0,00	0	0,00	6	11,54	40	76,92	4	7,69	2
5	20T4-TKĐ1	50	21	3	6,00	1	2,00	6	12,00	40	80,00	0	0,00	
6	20T4-TKĐ2	48	12	0	0,00	1	2,08	5	10,42	42	87,50	0	0,00	
7	20T4-TKĐ3	46	9	0	0,00	0	0,00	4	8,70	40	86,96	2	4,35	
CỘNG 07 Lớp		314	106	3	0,96	6	1,91	33	10,51	260	82,80	10	3,18	2
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	18T4-TKW1	28	5	0	0,00	0	0,00	3	10,71	21	75,00	4	14,29	
2	19T4-TKW1	51	9	2	3,92	0	0,00	10	19,61	35	68,63	3	5,88	1
3	20T4-TKW1	57	7	2	3,51	5	8,77	21	36,84	29	50,88	0	0,00	
CỘNG 03 Lớp		136	21	4	2,94	5	3,68	34	25,00	85	62,50	7	5,15	1
Ngành: Thương mại điện tử														
1	19T4-TMĐ1	18	9	0	0,00	1	5,56	2	11,11	13	72,22	0	0,00	2
2	20T4-TMĐ1	37	9	0	0,00	0	0,00	3	8,11	33	89,19	1	2,70	
CỘNG 02 Lớp		55	18	0	0,00	1	1,82	5	9,09	46	83,64	1	1,82	2
Ngành: Đồ họa đa phương tiện														
1	20T4-ĐHĐ1	62	21	0	0,00	0	0,00	5	8,06	56	90,32	1	1,61	
CỘNG 01 Lớp		62	21	0	0,00	0	0,00	5	8,06	56	90,32	1	1,61	0
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	18T4-THU1	40	10	1	2,50	0	0,00	3	7,50	33	82,50	3	7,50	
2	19T4-THU1	53	14	2	3,77	4	7,55	8	15,09	36	67,92	2	3,77	1
3	20T4-THU1	63	6	0	0,00	6	9,52	4	6,35	52	82,54	1	1,59	
CỘNG 03 Lớp		156	30	3	1,92	10	6,41	15	9,62	121	77,56	6	3,85	1

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Lập trình máy tính															
1	18T4-LTM1	33	1	2	6,06	2	6,06	4	12,12	25	75,76	0	0,00		
2	18T4-LTM2	29	4	0	0,00	3	10,34	5	17,24	15	51,72	0	0,00	6	
3	19T4-LTM1	49	6	0	0,00	3	6,12	8	16,33	33	67,35	5	10,20		
4	19T4-LTM2	49	3	0	0,00	0	0,00	5	10,20	34	69,39	10	20,41		
5	20T4-LTM1	52	6	1	1,92	1	1,92	3	5,77	45	86,54	2	3,85		
6	20T4-LTM2	39	1	0	0,00	2	5,13	1	2,56	36	92,31	0	0,00		
CỘNG 06 Lớp		251	21	3	1,20	11	4,38	26	10,36	188	74,90	17	6,77	6	
Ngành: Quản trị mạng máy tính															
1	18T4-QTM1	38	1	0	0,00	0	0,00	3	7,89	26	68,42	7	18,42	2	
2	19T4-QTM1	54	4	0	0,00	1	1,85	1	1,85	44	81,48	6	11,11	2	
3	20T4-QTM1	47	2	0	0,00	0	0,00	4	8,51	39	82,98	4	8,51		
4	20T4-QTM2	36	3	0	0,00	0	0,00	3	8,33	31	86,11	2	5,56		
5	19T2-QTM1	29	3	0	0,00	0	0,00	5	17,24	20	68,97	0	0,00	4	
CỘNG 05 Lớp		204	13	0	0,00	1	0,49	16	7,84	160	78,43	19	9,31	8	
65	TỔNG CỘNG (65 LỚP)	2526	327	144	5,70	147	5,82	312	12,35	1614	63,90	142	5,62	167	

* Ghi chú: Tổng số 167 SV không xếp loại chiếm 6,61% do SV nghỉ học không có điểm tổng kết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên	603	23,87	- Từ TB trở lên	2217	87,77
- Trung bình	1614	63,90	- Yếu	142	5,62
- Yếu	142	5,62	- Không xếp loại	167	6,61
- Không xếp loại	167	6,61			